

Số: /QĐ-BNNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Đợt 5) thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

### BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3792/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Danh mục khoáng sản chiến lược, quan trọng của Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt 07 (bảy) khu vực khoáng sản là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bao gồm:

1. Khu vực quặng vàng xã Thần Sa, tỉnh Thái Nguyên (trước đây thuộc xã Thần Sa, gồm các khu Bản Ná, Khắc Kiệm, Nam Thung lũng Khắc Kiệm, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên). Tọa độ, diện tích khu vực quy định tại Mục 15.b Phụ lục VI.13 ban hành kèm theo Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Khu vực quặng apatit khai trường 23, xã Cốc San, tỉnh Lào Cai (trước đây thuộc xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai). Tọa độ, diện tích khu vực quy định tại Mục 1.d Phụ lục VI.16 ban hành kèm theo Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Khu vực quặng apatit khai trường 11-12-31, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai. Tọa độ, diện tích khu vực quy định tại Mục 2.k Phụ lục VI.16 ban hành kèm theo Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Khu vực cát biển vùng Đông Nam đảo Cát Bà, thành phố Hải Phòng. Tọa độ, diện tích khu vực được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

5. Khu vực cát biển vùng Đông Nam Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh. Tọa độ, diện tích khu vực được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

6. Khu vực cát biển vùng bãi cạn Hội An, thành phố Đà Nẵng. Tọa độ, diện tích khu vực được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

7. Khu vực cát biển vùng Đông Nam cửa Trà Lý, tỉnh Hưng Yên. Tọa độ, diện tích khu vực được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Trách nhiệm của cơ quan, địa phương có liên quan

1. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam

- Chịu trách nhiệm về nội dung và các thông tin, số liệu, tài liệu có liên quan đến 07 khu vực khoanh định;

- Tổ chức công bố, cập nhật và quản lý danh mục khu vực không đầu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật;

- Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố: Đà Nẵng, Hưng Yên, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Lào Cai, Thái Nguyên.

- Quản lý, bảo vệ, giám sát hoạt động liên quan đến khu vực có khoáng sản thuộc khu vực không đầu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn; bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước;

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố: Đà Nẵng, Hưng Yên, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Lào Cai, Thái Nguyên và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg Chính phủ Hồ Quốc Dũng (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Bộ (Phòng TTTT để đăng tải);
- Lưu: VT, ĐCKS(12).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Đặng Ngọc Diệp**

**PHỤ LỤC – TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC KHÔNG ĐÁU GIÁ QUYỀN  
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

1. Khu vực cát biển vùng Đông Nam đảo Cát Bà, thành phố Hải Phòng

STT	Hệ tọa độ VN2000, KTT 105 <sup>0</sup> , múi chiếu 6 độ	
	X (m)	Y (m)
1	2.249.053	736.088
2	2.251.093	739.892
3	2.245.435	743.876
4	2.243.286	740.001
Diện tích: 30km <sup>2</sup>		

2. Khu vực cát biển vùng Đông Nam Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh

STT	Hệ tọa độ VN2000, KTT 105 <sup>0</sup> , múi chiếu 6 độ	
	X (m)	Y (m)
1	1.124.611	742.127
2	1.124.060	751.466
3	1.120.777	751.424
4	1.121.370	741.957
Diện tích: 30km <sup>2</sup>		

3. Khu vực cát biển vùng bãi cạn Hội An, thành phố Đà Nẵng

STT	Hệ tọa độ VN2000, KTT 105 <sup>0</sup> , múi chiếu 6 độ	
	X (m)	Y (m)
1	1.754.168	870.275
2	1.756.184	880.888
3	1.751.974	881.659
4	1.748.194	877.991
5	1.746.638	874.425
6	1.748.180	871.283
Diện tích: 74km <sup>2</sup>		

## 4. Khu vực cát biển vùng Đông Nam cửa Trà Lý, tỉnh Hưng Yên

STT	Hệ tọa độ VN2000, KTT 105 <sup>0</sup> , múi chiếu 6 độ	
	X (m)	Y (m)
1	2.244.829	720.707
2	2.240.799	725.500
3	2.235.260	718.722
4	2.238.790	712.449
Diện tích: 60km <sup>2</sup>		